

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 35/2023/QĐST-DS

Quận 4, ngày 24 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Kiều

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 125/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 162/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023.

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Bà Nguyễn Thị Ngọc P

Địa chỉ: H N, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lương Văn Đ, trú tại: Tổ dân phố F, T, thành phố B, Đắk Lắk là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Giấy ủy quyền số công chứng: 00017135, quyền số 06/2022 TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng C ngày 30/6/2022).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Hữu T

Nơi cư trú cuối cùng: B T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu ngày 30/6/2022, các bản tự khai ngày 27/10/2022 của bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Lương Văn Đ, đại diện theo ủy quyền của bà P khai nhận: Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Phạm Hữu T chung sống với nhau từ năm 1980, không đăng ký kết hôn và có một con chung tên Phạm Hữu Nguyễn B, sinh năm 1983, chết năm 2021. Đến năm 1985, ông T bỏ nhà đi cho đến nay không có tin tức. Trước khi bỏ nhà đi, ông T cư trú tại địa chỉ B T, Phường C, Quận D. Nay bà P yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phạm Hữu T là người đã chết theo quy định.

Theo kết quả xác minh ngày 09/11/2022 của Công an P1, Quận D có nội dung: “Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1940, trước đây có đăng ký hộ khẩu thường trú tại B T, Phường C, Quận D. Đến năm 1985 bỏ địa phương đi không rõ lý do cho đến nay, đã bị Công an Q xóa hộ khẩu gốc, hiện nay không rõ ở đâu”.

Tại phiên họp:

- Ông Lương Văn Đ, đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc P có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Phạm Hữu T là người đã chết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết việc dân sự là đúng thẩm quyền và tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc P, tuyên bố ông Phạm Hữu T, sinh năm 1940; Nơi cư trú cuối cùng: B T, Phường C, Quận D là người đã chết. Ngày chết của ông T được tính từ 09/10/1990.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 4 nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc P yêu cầu tuyên bố ông Phạm Hữu T là người đã chết theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bị yêu cầu là ông T có nơi cư trú cuối cùng tại Quận D nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4 theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 35 và Điểm b Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Lương Văn Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Cha, mẹ ông Phạm Hữu T là ông Phạm Hữu N, sinh năm 1911, chết năm 1982 (trích lục khai tử số 2538/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân Quận D cấp ngày 17/11/2022) và bà Trần Thị N1, sinh năm 1915, chết năm 1994 (trích lục khai tử số 279/2022/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân Phường C1, Quận D cấp ngày 08/7/2022).

Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Phạm Hữu T có một con chung tên Phạm Hữu Nguyễn B, sinh ngày 24/4/1983 (bản sao giấy khai sinh số 476/GKS-BS do Ủy ban nhân dân Quận C1 cấp ngày 26/3/2021), chết ngày 18/8/2021 (trích lục khai tử số 905/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận A cấp ngày 16/10/2021).

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết

theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”. Vì bà P và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Do đó, bà P có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố một người là đã chết đối với ông T.

Căn cứ lời khai của bà P xác định ông Phạm Hữu T bỏ nhà đi từ năm 1985 đến nay không có tin tức.

Căn cứ kết quả xác minh ngày 09/11/2022 của Công an P1, Quận D có nội dung: “Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1940, trước đây có đăng ký hộ khẩu thường trú tại B T, Phường C, Quận D. Đến năm 1985 bỏ địa phương đi không rõ lý do cho đến nay, đã bị Công an Q xóa hộ khẩu gốc, hiện nay không rõ ở đâu”.

Căn cứ công văn số 541/CAQ4-QLHC ngày 20/02/2023 của Công an Q có nội dung: “Qua kiểm tra hồ sơ lưu: 27286-000383 tại địa chỉ B T, Phường C, Quận D, TP Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú năm 1982 thể hiện ông Phạm Hữu T, sinh năm 1940, số thứ tự 7 có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên đến ngày 08/10/1985 xóa tên do bỏ nhà đi tháng 06/1985”.

Như vậy, có cơ sở xác định nơi cư trú cuối cùng của ông T trước khi biệt tích là B T, Phường C, Quận D và ngày có tin tức cuối cùng của ông T là ngày 08/10/1985.

Ngày 24/11/2022, Tòa án nhân dân Quận 4 đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết đối với ông Phạm Hữu T và đã thực hiện việc đăng tin trên B1, Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố H và phát sóng trên Đ1 (cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, đã hết thời hạn 04 tháng thực hiện thông báo nhưng vẫn không có tin tức xác thực ông T là còn sống.

Căn cứ vào Điểm d Khoản 1 Điều 71 của Bộ luật dân sự quy định: “Người có quyền, lợi ích liên quan có thể yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là đã chết trong trường hợp biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống”. Do đó, việc bà P yêu cầu tuyên bố ông Phạm Hữu T đã chết là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận. Ngày chết của ông T được xác định là ngày 09/10/1990.

[4] Về lệ phí: Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Ngọc P được miễn nộp lệ phí sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 4 Điều 27, Điểm a Khoản 2 Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 39, Điều 149, 361, Điều 367, Điều 371, Điều 372, Điều 391, Điều 392 và Điều 393 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ vào Điểm d Khoản 1 Điều 71 và Điều 72 Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị Ngọc P:

Tuyên bố ông Phạm Hữu T, sinh năm 1940, nơi cư trú cuối cùng: B T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh là đã chết.

Ngày chết của ông Phạm Hữu T là ngày 09/10/1990.

Khi quyết định của Tòa án tuyên bố ông Phạm Hữu T là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của ông T được giải quyết như đối với người đã chết. Quan hệ tài sản của ông T được giải quyết như đối với người đã chết; Tài sản của ông T được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Ngọc P được miễn nộp toàn bộ.

3. Đương sự có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày tính từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Ủy ban nhân dân Phường 3, Q4;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trương Thị Kiều